

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+BK16	7:25	20+0	0+0		20+2	0+0	
2		RP1+RC4+BK14	7:25	19+2+1	0+0+0		15+3+4	0+0+0	CHUYEN 1 RP1-RC4
3		RP3	7:25	20	0		22	0	
4		RC3+RC6+RP1	9:25	0+8+12	0+0+0		0+4+18	0+0+0	CHUYEN 2 RC3-RC6
5		RP3+CLO	9:25	13+0	0+0		20+2	0+0	
6		RCDM+RC8+RC5	9:25	5+6+6	0+0+0		5+5+6	0+0+0	
7		RC4+VSP02	11:40	6+10	0+0		5+17	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY RC4-ING



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 07/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: VSP02 - BK16	CREW: LINH - TTRUNG - THÀNH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/3003	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	YANDYAN EDUARD	VSP02	66	1	15			86	KH-THAC	Russian
2	ĐỖ QUANG HÙNG	VSP02	60-61	2	13			72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	68	1	6			90	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	70	1	8			57	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH TRƯỞNG PHI	VSP02	62	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	64-65	2	17			76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THÀNH LÊ	VSP02	78	1	5			69	YTE	Vietnamese
8	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	74	1	10	2	40	77	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	63	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ ĐỨC TRÍ	VSP02	55	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀNG LONG	VSP02	73	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VĂN THUYỀN	VSP02	58-59	2	9			71	KH-THAC	Vietnamese
13	LÃ NGỌC MẠNH	VSP02	56-57	2	11			64	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	71-72	2	8			77	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	49-50	2	11			63	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	75	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN BẢO ANH	VSP02	53-54	2	20			79	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	69	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MINH ĐỨC	VSP02	51-52	2	5			71	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	67	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	20	1.455	28	182	2	40	20		
2	BK16	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.455	28	182	2	40	22		
WEIGHT KG			1.455		182		40			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VU THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 07/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: RP1 - RC4 - BK14	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM26/3006		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KOROGHUYEV R.G	RP1	84	1	7	2	35	74	KH-THAC	Russian
2	TÀO QUANG NGÂN	RP1	96	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
3	BÙI VĂN HUY	RP1	83	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	RP1	81	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	82	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	90	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	92	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
8	LÝ XUÂN TRUNG	RP1	95	1	4			66	YTE	Vietnamese
9	LÊ MINH HIẾU	RP1	87-88	2	16			71	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	89	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG TÙNG	RP1						75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN THÀNH CÔNG	RP1						58	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ HỮU HÀ	RP1	97	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ THANH DŨNG	RP1	98-99,800	3	17			85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BÁ QUÝ	RP1	80	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VAN HUNG	RP1	85-86	2	13			74	KH-THAC	Vietnamese
17	LE NGOC DUNG	RP1	91	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH HO	RP1	93	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN NAM	RP1	94	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
20	IAKHIN RUSTEM	RC4	07	1	3			82	D-HANH	Russian
21	TRỊNH PHƯƠNG QUÝ	RC4	05-06	2	16	1	20	64	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VĂN TIỆP	BK14	04-05	2	17	2	25	81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	19	1.337	21	134	2	35	15 + 1		CHUYỂN 1 PAX RP1-RC4
2	RC4	2	146	3	19	1	20	3		
3	BK14	1	81	2	17	2	25	4		
TOTAL		22	1.564	26	170	5	80	22		
WEIGHT KG			1.564		170		80			

GRAND TOTAL: 1.814 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIẾP

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 07/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: RP3	CREW: ĐỨC - T.HIẾU - DSON	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM26/3008		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	AKOPOV DAVID	RP3	08	1	6			89	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN THÀNH TRUNG	RP3	07	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỮU THẮNG	RP3	11	1	9			89	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI NGỌC THIẾT	RP3	04	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	05	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3						81	KHI	Vietnamese
7	ĐÀO MINH TUẤN	RP3	12-13	2	16	6	100	92	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HẢI (22125)	RP3	15	1	14			103	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ DUY TIẾN	RP3	18	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH HOÀI	RP3	10	1	5			105	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THANH KIM	RP3	16-17	2	12			59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DOÃN THANH	RP3	09	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN HIỀN	RP3	14	1	7			54	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC HUY	RP3	06	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	RP3	02	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ THÀNH LONG	RP3	01	1	8			88	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGUYỄN HẢI DƯƠNG	RP3						90	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HUY	RP3	03	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ANH DŨNG	RP3						66	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG XUÂN HÙNG	RP3						71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	20	1.536	18	120	6	100	22		
TOTAL		20	1.536	18	120	6	100	22		
WEIGHT KG			1.536		120		100			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THÙY

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

LÊ TRUNG HIẾU





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 07/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: RC3 - RC6 - RP1	CREW: LINH - TTRUNG - THÀNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/3004		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ VĂN TÙNG	RC6	41	1	5	2	30	65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ GIA HÒA	RC6	43	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN CÔNG	RC6	93.57	2	12			85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KIÊM BẮC	RC6	97	1	11			81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	RC6	95	1	7			67	DK9	Vietnamese
6	DƯƠNG VŨ HÀO	RC6	96	1	7			63	DK9	Vietnamese
7	DOAN VIET DONG	RC6	99	1	11			74	CO DIEN	Vietnamese
8	KIM NHAT THANH	RC6	98	1	10	3	33	64	CO DIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH NGỌC	RP1	49	1	6	1	4	102	KH-THAC	Vietnamese
10	TRANG NGỌC HƯNG	RP1	45	1	15			70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN CAO	RP1	41	1	12			60	XAYLAP	Vietnamese
12	BÙI VĂN TUYẾN	RP1	74	1	12			54	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT PHONG LƯU	RP1	76	1	11			87	XAYLAP	Vietnamese
14	BÙI HỒNG SÁNG	RP1	42	1	15			93	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐINH QUỐC TRƯỜNG	RP1	48	1	9			78	PSV	Vietnamese
16	VŨ VĂN PHÚC	RP1	46	1	4			56	PSV	Vietnamese
17	LÊ VĂN QUÝ	RP1	77	1	8			78	PSV	Vietnamese
18	TRẦN TỬ THIÊN	RP1	75	1	8			97	PSV	Vietnamese
19	PHAN CONG TOAN	RP1	43-44	2	13			84	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	47	1	7			86	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 2 PAX RC3-RC6	
2	RC6	8	571	9	66	5	63	4		
3	RP1	12	945	13	120	1	4	18		
TOTAL		20	1.516	22	186	6	67	22		
WEIGHT KG			1.516		186		67			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 07/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: RP3 - CLO	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5	VNHS FLIGHT: TM26/3010		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM THẾ PHONG	RP3	91	1	6	2	40	65	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC OANH	RP3						67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	94	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3	92	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN THÀNH CÔNG	RP3	89	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC ANH	RP3	90	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC TIN	RP3						63	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ TRÍ HOÀNG	RP3	693	1	9			68	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	RP3	93	1	3			79	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN HIẾU	RP3	95	1	4			55	PSV	Vietnamese
11	BÙI VĂN LONG	RP3	97	1	3			73	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ NGỌC QUÍ	RP3	96	1	4			54	PSV	Vietnamese
13	LƯƠNG TRỌNG DƯƠNG	RP3	800	1	7			54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	13	843	11	53	2	40	20		
2	CLO	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		13	843	11	53	2	40	22		
WEIGHT KG			843		53		40			

GRAND TOAL: 936 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 07/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:58
B.CARD: VANG-2	TO: RCDM - RC8 - RC5	CREW: ĐỨC - T.HIỆU - DSON	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/3009	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	05-06	2	7	2	25	72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN QUÝ	RCDM	07	1	13	4	65	85	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC LINH	RCDM	08	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN KIM THẠCH	RCDM	09-10	2	7			67	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HUẤN	RCDM	03-04	2	12			72	PSV	Vietnamese
6	TRẦN HOÀNG THÔNG	RC8	71-72	2	20			84	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯƠNG THẾ HẢI	RC8	69	1	16			69	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ CÔNG TÁNH	RC8	73	1	8			62	PSV	Vietnamese
9	LE THANH HIEU	RC8	33-34	2	16			72	CO DIEN	Vietnamese
10	BUI DUC HAU	RC8	70	1	8	2	24	60	CO DIEN	Vietnamese
11	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	RC5	35	1	13			70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRỊNH VĂN TIẾN	RC5	34	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN TRUNG	RC5	31	1	7	1	10	79	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG QUANG HUY	RC5	32	1	8	1	20	62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THƯỢNG	RC5	33	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM BÁ KHÁNH	RC5	30	1	12			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	5	375	8	45	6	90	5		
2	RC8	5	347	7	68	2	24	4		
3	RC5	6	433	6	54	2	30	6		
TOTAL		16	1.155	21	167	10	144	15		
WEIGHT KG			1.155		167		144			

GRAND TOAL: 1.466 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC
LÊ TRUNG HIỆU





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 07/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: RC4 - VSP02	CREW: LINH - MTHAO - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/3005	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG MINH DŨNG	RC4						78	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ QUANG TUYỀN	RC4	45-46	2	15			102	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG HIẾU	RC4	48	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN HUY	RC4	49	1	18			81	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO QUYẾT THẮNG	RC4	47	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN TÙNG	RC4						77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	07	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	01	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY HOÀNG	VSP02	02	1	7			95	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	03	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THỦY	VSP02	08	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN MINH TUAN THINH	VSP02	06	1	8			100	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHÁNH	VSP02	09	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NGUYỄN KINH CHÂU	VSP02	05	1	5			68	VIỆT PHÁT	Vietnamese
15	VŨ VĂN CHUYÊN	VSP02	04	1	4			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC4	6	463	5	48	0	0	5		
2	VSP02	9	652	9	53	0	0	17		
TOTAL		15	1.115	14	101	0	0	22		
WEIGHT KG			1.115		101		0			

GRAND TOAL: 1.216 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
MAI VĂN THAO

